

ĐIỆN BIÊN PHỦ VÀ KHỞI ĐẦU CUỘC XÂM LƯỢC THỰC DÂN KIỂU MỚI CỦA MỸ Ở VIỆT NAM

□ Đại tá, PGS. TS. NGUYỄN HUY THỰC

Viện Lịch sử quân sự Việt Nam

Điện Biên Phủ là mốc đánh dấu sự cáo chung của chính sách xâm lược thực dân kiểu cũ của Pháp - chính sách chiếm hữu các quốc gia khác làm thuộc địa, chiếm hữu người dân của nước khác làm nô lệ, làm tay sai, phục vụ lợi ích kinh tế và quân sự của quốc gia “mẫu quốc”. Còn đối với Chính phủ Mỹ, Điện Biên Phủ mặc dù là bài học kinh nghiệm đắt giá, nhưng cũng lại là “cơ hội lớn” để họ trực tiếp nhảy vào cuộc và là điều kiện để “thử nghiệm” chính sách thực dân kiểu mới.

Với sức mạnh tổng hợp của toàn dân tộc được huy động, cùng với sự ủng hộ, giúp đỡ nhiệt tình, hiệu quả của chính phủ và nhân dân một số nước anh em, quân và dân ta từng bước xây dựng, phát triển lực lượng và thế trận, thực hiện phản công rồi tiến công, làm nên những chiến thắng Việt Bắc 1947, Biên Giới 1950, Tây Bắc 1952... và đến đỉnh cao là Điện Biên Phủ 1954 “lừng lẫy năm châu, chấn động địa cầu”.

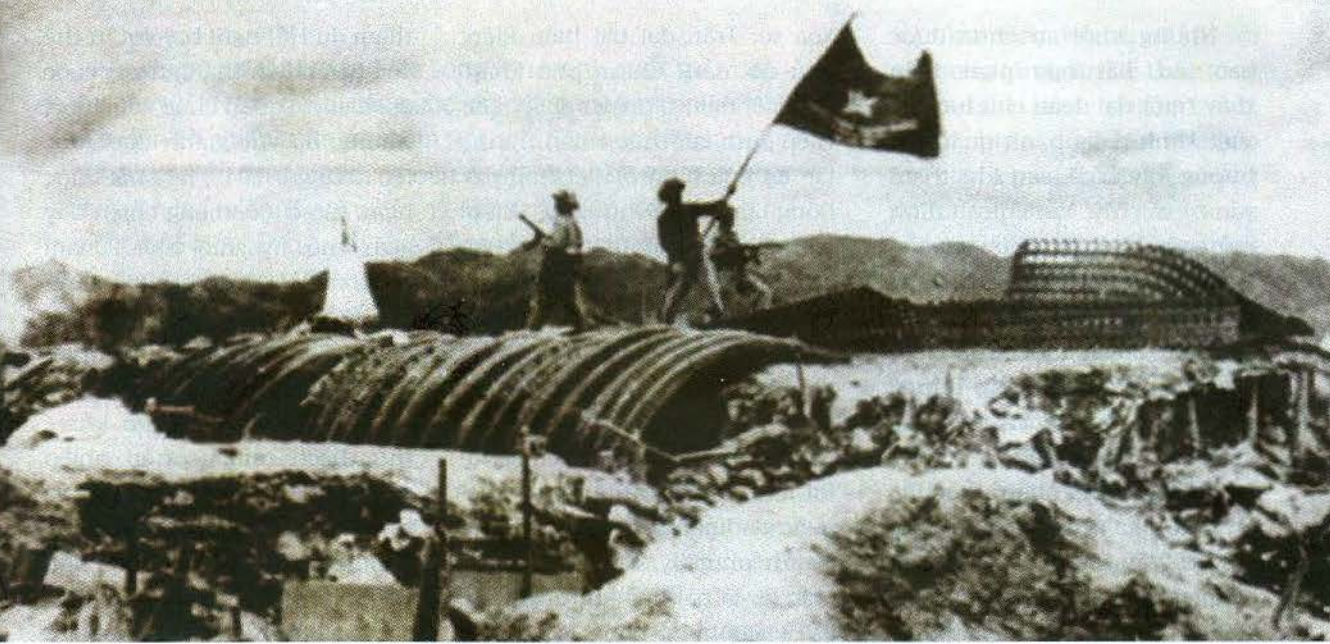
Với 56 ngày đêm trực tiếp giao chiến bằng sức mạnh ưu thế cả về binh lực và trí lực của đôi bên tại khu vực lòng chảo Điện Biên, kết cục thắng thua đã được phân định. Cùng khoảng 16.200 sinh lực của đối phương bị loại khỏi vòng chiến đấu (trong đó có 1 thiếu tướng, 369 sĩ quan từ đại tá đến thiếu úy), là toàn bộ vũ khí, trang bị kỹ thuật

và phương tiện chiến tranh bị phá hủy và tịch thu⁽¹⁾; tập đoàn cứ điểm quân sự mạnh nhất Đông Dương của quân đội Pháp, có sự đóng góp rất quan trọng của Mỹ trên nhiều phương diện bị xóa sổ. Đây thực sự là đòn quyết định dẫn đến sự thất bại hoàn toàn cuộc chiến tranh xâm lược Việt Nam và Đông Dương của thực dân Pháp.

1 Điện Biên Phủ thất thủ - sự cáo chung chính sách xâm lược thực dân cũ của Pháp với sự can thiệp sâu rộng của Mỹ trong cuộc chiến tranh Việt Nam và Đông Dương.

Mỹ bắt đầu can thiệp vào cuộc chiến tranh Việt Nam và Đông Dương bằng việc “ủng hộ Pháp quay trở lại thuộc địa cũ và tiếp đó, cung cấp viện trợ cho Pháp”. Về ngân sách, nếu năm khởi đầu (1950) là 150 triệu

đôla, thì đến năm sau đó (1951) đã lên 340 triệu đôla được tính bằng số lượng 50 xe tăng loại 18 và 25 tấn, 24 xe thiết giáp, 300 xe vận tải, 70 khẩu pháo, 30 máy bay chiến đấu, 70 xuồng và một số tàu vận tải (LCT), vũ khí bộ binh đủ trang bị cho 12 tiểu đoàn; đồng thời, cố vấn quân sự được đưa sang “nằm” ngay trong Bộ Tổng chỉ huy Đông Dương của quân Pháp. Được sự “hà hơi, tiếp sức” của Mỹ, đến cuối 1951, trên toàn Đông Dương, quân Pháp đạt tới 338.000 người, gồm 160 tiểu đoàn bộ binh chính quy (quân đội liên hiệp Pháp), 45 tiểu đoàn quân bản xứ, 18 tiểu đoàn pháo binh, 7 chi đoàn thiết giáp, 7 tiểu đoàn công binh, 5 tiểu đoàn vận tải, 81 máy bay, 61 tàu chiến⁽²⁾. Với binh lực như vậy, quân Pháp mưu tính sẽ giành lại quyền chủ động trên chiến trường.



Tháng 3-1952, tại lễ Tuyên thệ nhậm chức, tân Thủ tướng Pháp Ấngtoan Pinay tuyên bố tiếp tục dựa vào Mỹ, phát huy tối đa nguồn lực tại chỗ ở Đông Dương và tăng cường ngân sách để tiếp tục chiến tranh.

Lời "cầu thị" của người đứng đầu chính quyền Pháp đã "bật trúng tâm can" những người đứng đầu Nhà Trắng và ngay tức khắc, chuyến hàng viện trợ thứ 150 của Mỹ được chuyển đến Đông Dương (tháng 5-1952), cùng với đó là sự chấp thuận để Chính phủ Pháp cử Lotuôcnô làm Cao ủy, Xalăng làm Tổng chỉ huy quân Pháp ở Đông Dương.

Được cố vấn Mỹ giúp sức, Xalăng đẩy mạnh bắt lính bản xứ bổ sung cho quân đội; mở các cuộc càn quét vây ráp, tróc nã địa bàn, phá phong trào chiến tranh du kích ở các địa phương; đồng thời, tập trung lực lượng cơ động chiến lược lên Tây Bắc, tiếp đó là Bắc Lào để thiết lập những tập

đoàn cứ điểm phòng ngự then chốt, chuẩn bị cho mưu sự lớn.

Nhưng chưa kịp hành sự, quân Pháp đã bất ngờ bởi các đòn tiến công quy mô chiến dịch của ta ở Tây Bắc (1952), tiếp đến là của liên quân kháng chiến Lào - Việt ở Sầm Nưa (Bắc Lào - 1953), không chỉ gây thêm cho đối phương những tổn thất nặng nề mà còn buộc chúng phải căng kéo, xé lẻ quân cơ động ra để chiếm giữ các địa bàn chiến lược. Mục tiêu giành lại thế chủ động trên chiến trường chưa thành, Mỹ viện trợ khẩn cấp cho Pháp 385 triệu đôla (tháng 4-1953) và chấp thuận việc đưa Nava sang Đông Dương làm Tổng chỉ huy thay Xalăng (tháng 5-1953).

Được cố vấn Mỹ trợ giúp đắc lực, với 470.000 quân, Nava quyết định thành lập quân đoàn tác chiến mạnh, cơ cấu gồm 24 binh đoàn cơ động, 3 binh đoàn dù và xác định: từ giữa 1953 đến giữa 1954, tập trung xây dựng

quân đoàn tác chiến mạnh; từ giữa 1954 trở đi, sẽ tổ chức những đòn tiến công tổng lực.

Đặc biệt, khi cuộc chiến tranh Triều Tiên kết thúc về mặt hình thức bằng một thỏa thuận ngừng bắn (27-7-1953), Mỹ bắt đầu tập trung can thiệp sâu hơn vào Đông Dương. Aixenhao - Tổng thống Mỹ công khai tuyên bố "Mỹ phải chống Cộng sản ở Đông Dương. Nếu Cộng sản thắng lợi thì Đông Nam Á sẽ thoát khỏi vòng thế lực của Mỹ..."³. Trước những tuyên bố cứng rắn và rõ ràng về quyền lợi chiến lược ở Đông Dương, để bảo toàn quyền lợi của mình, giới cầm quyền Pháp nhanh chóng "co kéo" 9 tiểu đoàn từ trong nước, Bắc Phi và Triều Tiên đưa sang tăng cường cho Đông Dương; đồng thời, rút bỏ tập đoàn cứ điểm Nà Sản (Tây Bắc) và một số vị trí ở Bắc Lào (tháng 9-1953), tập trung binh lực mở các cuộc hành quân càn quét bình định những vùng tạm chiếm, quấy phá vùng tự do của ta.

Nhưng khởi sự chưa được bao lâu, bất ngờ phát hiện thấy “một đại đoàn chủ lực của Việt Minh đang hành quân lên hướng Tây Bắc”, sau khi tham vấn cố vấn Mỹ, Nava quyết định mở cuộc hành binh (mang tên Caxto) lên chiếm thung lũng Điện Biên - vị trí mang tầm địa quân sự chiến lược trọng yếu của chiến trường Đông Dương cũng như Đông Nam Á, một đầu mối giao thông nối Việt Nam, Lào, Thái Lan, Miến Điện và Trung Quốc; nhanh chóng thiết lập nơi đây thành tập đoàn cứ điểm mạnh nhất Đông Dương, với lực lượng khoảng 16.200 người cùng khối lượng khổng lồ vũ khí, đạn dược, lương thực và phương tiện chiến tranh, bố trí thành 49 cứ điểm trên 3 phân khu: Bắc, Nam và Trung tâm; đồng thời, khẩn trương xây dựng hệ thống công sự, trận địa phòng thủ, đánh chiếm các tuyến giao thông đường bộ nối Điện Biên Phủ với Lai Châu và Luông Pha Băng của Lào.

Các nhà quân sự Pháp và Mỹ đều thống nhất cho rằng: Điện Biên Phủ là một pháo đài khổng lồ không thể công phá, một “con nhím” hoàn hảo được tổ chức phòng ngự theo kiểu hiện đại⁽⁴⁾. Nhận thấy đây là điều kiện bảo đảm tốt cho mưu sự quyền lợi về sau, chính quyền Oasinhton lập tức nâng mức viện trợ cho quân Pháp năm 1953 gấp gần 3 lần so với năm 1952 và năm 1954 gấp 2 lần năm 1953 - nghĩa là, Mỹ đã “tự nguyện gánh chịu” ngân sách cuộc chiến tranh Đông Dương của Pháp từ 43% năm 1953 lên 78% năm 1954⁽⁵⁾.

Tuy nhiên, tập đoàn cứ điểm Điện Biên Phủ đã bị hoàn toàn

xóa sổ. Trận đại bại Điện Biên Phủ đã “dẫn” Chính phủ Pháp đến Hội nghị Giơnevơ để ký kết Hiệp định kết thúc chiến tranh, lập lại hòa bình ở Việt Nam và Đông Dương. Như vậy, Điện Biên Phủ là mốc đánh dấu sự cáo chung của chính sách xâm lược thực dân kiểu cũ của Pháp - chính sách chiếm hữu các quốc gia khác làm thuộc địa, chiếm hữu người dân của nước khác làm nô lệ, làm tay sai, phục vụ lợi ích kinh tế và quân sự của quốc gia “mẫu quốc”. Còn đối với Chính phủ Mỹ, Điện Biên Phủ mặc dù là bài học kinh nghiệm đắt giá, nhưng cũng lại là “cơ hội lớn” để họ trực tiếp nhảy vào cuộc và là điều kiện để “thử nghiệm” chính sách thực dân kiểu mới.

2 Điện Biên Phủ - “cơ hội” để giới cầm quyền Mỹ toan tính, trực tiếp tiến hành cuộc xâm lược thực dân kiểu mới ở Việt Nam.

Với trận quyết chiến chiến lược Điện Biên Phủ, Chính phủ Pháp buộc phải đến bàn đàm phán Hội nghị quốc tế họp tại Giơnevơ (Thụy Sĩ) để thống nhất giải pháp về vấn đề kết thúc chiến tranh, lập lại hòa bình ở Việt Nam và Đông Dương. Tham dự Hội nghị Giơnevơ có 9 đoàn đại biểu của các chính phủ, gồm: Cao Miên, Lào, Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, Quốc gia Việt Nam (Bảo Đại), Cộng hòa Pháp, Hợp chủng quốc Hoa Kỳ, Cộng hòa nhân dân Trung Hoa, Liên hiệp Vương quốc Anh và Liên bang Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Xô Viết.

Đoàn đại biểu Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa đến

tham dự Hội nghị tuy với tư thế của bên chiến thắng trong cuộc đối đầu với quân Pháp xâm lược, nhưng, do vừa giành được độc lập (tháng 8-1945) lại phải bước ngay vào cuộc kháng chiến đầy gian khổ, hy sinh suốt 9 năm ròng, cả dân tộc phải gồng mình tạo dựng sức mạnh tổng hợp để chiến đấu và chiến thắng, nên trước mắt Việt Nam tiếp tục phải đối mặt với những khó khăn, thử thách cam go trên nhiều phương diện, cả ở trong nước và những toan tính lợi ích dân tộc hẹp hòi của các nước lớn ở khu vực và thế giới, trong đó có Mỹ.

Rút kinh nghiệm sâu sắc từ sự thảm bại trong chính sách thực dân kiểu cũ của người Pháp và cũng nhằm thực hiện mục đích “chia lại” thị phần thuộc địa với các đế quốc, mà trực tiếp ở đây là Pháp, các chiến lược gia Nhà Trắng và Lầu Năm Góc đã hoạch định ra chính sách thực dân kiểu mới để tiến hành thử nghiệm ngay trên lãnh thổ Việt Nam, trước hết là miền Nam Việt Nam - nơi mà người Pháp vừa thua cuộc.

Đặc trưng cơ bản của chủ nghĩa thực dân mới là: thống trị và bóc lột các nước một cách gián tiếp, giấu mặt thông qua hình thức viện trợ và cố vấn, thực hiện sự xâm lược về kinh tế dưới các hình thức đầu tư vốn, cho vay, trợ cấp..., kết hợp với gây sức ép về chính trị và quân sự. Các phương pháp thống trị cơ bản thường bao gồm: dành cho các nước đang phát triển sự viện trợ kèm theo các điều kiện về kinh tế và chính trị, ký kết những điều ước quốc tế không bình đẳng; lôi kéo các nước này vào các khối và liên minh chính

Dù đã có những lương định, song vận mệnh quốc gia - dân tộc của Việt Nam vẫn bị các nước lớn ngấm thỏa thuận với nhau trên bàn cờ chính trị trước thềm Hội nghị Giơnevơ. Kết cục là, nội dung Hiệp định có điều khoản quy định “Việt Nam tạm thời chia làm hai miền, lấy vĩ tuyến 17 làm ranh giới”. Đây thực sự là thời cơ để giới cầm quyền Nhà Trắng khởi sự, mở đầu bằng việc chỉ đạo Trường phái đoàn tham gia đàm phán bỏ ngỏ ý kiến với bản “Tuyên bố cuối cùng”; mặt khác ngấm thỏa thuận với Chính phủ Pháp chỉ đạo Đoàn đàm phán Chính phủ Quốc gia Việt Nam ra tuyên bố không tán thành Hiệp định này.

trị, kinh tế hoặc quân sự dưới sự bảo trợ của các nước đế quốc; can thiệp vào công việc nội bộ của các nước đã bước vào con đường phát triển, dựng lên các chính phủ lệ thuộc để thông qua đó khống chế, chi phối và tước đoạt trên thực tế độc lập, chủ quyền và lợi ích dân tộc; duy trì địa vị và lợi ích của chủ nghĩa đế quốc ở những nước đó và trên thế giới”⁽⁶⁾.

Ngay khi Hiệp định Giơnevơ được ký kết, dưới sự chỉ đạo của Nhà Trắng, cơ quan Tình báo Trung ương Mỹ (CIA) đã nhanh chóng đưa Ngô Đình Diệm về Sài Gòn, lập mưu tính kế từng bước loại bỏ ảnh hưởng còn lại của Pháp, thiết lập nên cái gọi là chính quyền Việt Nam cộng hòa - công cụ cho Mỹ áp đặt thể chế thống trị kiểu mới ở miền Nam Việt Nam.

Dưới sự chỉ đạo và điều hành của Mỹ, trực tiếp thông qua hệ thống cố vấn quân sự từ Bộ Quốc phòng đến tiểu đoàn của quân đội Sài Gòn và dân sự trá hình từ các bộ, ngành trung ương đến ấp, xã, Ngô Đình Diệm nhanh chóng thiết lập bộ máy chính quyền các cấp, phát triển quân đội và cảnh sát làm công cụ bạo

lực cho việc trấn áp phong trào nổi dậy của nhân dân miền Nam đòi Tổng tuyển cử thống nhất đất nước theo quy định Hiệp định Giơnevơ; tầm nã, truy diệt những cán bộ, đảng viên cộng sản và cơ sở cách mạng; thanh trừng các giáo phái và các tổ chức chính trị - xã hội thân Pháp; tổ chức cuộc “trưng cầu dân ý trên đầu súng” để truất quyền Bảo Đại, lên làm Tổng thống (23-10-1955), rồi làm tiếp cuộc tuyển cử bầu ra Quốc hội, Chính phủ Việt Nam cộng hòa (4-3-1956). Đến đây, Mỹ đã cơ bản thiết lập được một hình hài của thể chế chính quyền thực dân kiểu mới ở miền Nam Việt Nam.

Vậy là, từ sự kiện Điện Biên Phủ, giới cầm quyền Nhà Trắng đã “tìm được lối” để nhảy vào tiến hành cuộc xâm lược thực dân kiểu mới ở Việt Nam.

Như vậy, với những âm mưu và thủ đoạn được toan tính rất bài bản, từng bước từ xa đến gần, từ gián tiếp đến trực tiếp, đặt trong những điều kiện chủ quan và khách quan cụ thể, giới cầm quyền hiếu chiến Mỹ đã thứ tự thực hiện cuộc thôn tính miền Nam Việt Nam một cách hết sức tinh vi, xảo quyệt. Đó

là, dùng đồng đôla và vũ khí với số lượng tăng dần để thao túng Pháp tiến hành chiến tranh, nhằm chia sẻ quyền lợi với Pháp khi cuộc chiến thắng lợi; nhưng ngược lại, Pháp đã đại bại trong trận quyết chiến chiến lược cuối cùng tại Điện Biên Phủ khi Mỹ đã gánh chịu đến hơn 4/5 tổng chiến phí chiến tranh, giới cầm quyền Nhà Trắng đã quay sang tìm cách mặc cả với các nước lớn trong Hội nghị Giơnevơ để thỏa thuận một bản Hiệp định với nội dung có “đủ kẻ hở” để nhảy vào xâm chiếm miền Nam Việt Nam.

Những chứng cứ lịch sử nêu trên cũng đủ để khẳng định: Điện Biên Phủ là hồi kết của chính sách xâm lược thực dân kiểu cũ của người Pháp và là mốc khởi đầu cuộc xâm lược thực dân kiểu mới của chính quyền Mỹ ở Việt Nam. Và 21 năm sau, lịch sử đã lặp lại - trận đại bại của Mỹ-Ngụy ở Sài Gòn - Gia Định (tháng 4-1975) cũng thực sự là hồi kết đối với chính sách xâm lược thực dân kiểu mới của đế quốc Mỹ ở Việt Nam. □

(1), (6) Bộ Quốc phòng - Trung tâm Từ điển bách khoa quân sự: *Từ điển bách khoa quân sự Việt Nam*, Nxb. Quân đội nhân dân, H, 2004, tr.168; 254.

(2) Nguyễn Hùng Phi - Buasi Chalonsúc: *Lịch sử Lào hiện đại*, Nxb. Chính trị quốc gia. H, 2006, t.1, tr. 165.

(3) Báo Nhân Dân, số ra ngày 15-10-1953.

(4), (5) Ban Chỉ đạo Tổng kết chiến tranh trực thuộc Bộ Chính trị: *Tổng kết cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp - Thắng lợi và bài học*, Nxb. Chính trị quốc gia, H, 1996, tr.203; 190.